

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 308/TTr-SNN ngày 02/10/2019.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **01** tháng **11** năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *SK*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế -Bộ NN và PTNT;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Trị, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH *TC***



**Nguyễn Đức Chính**

**QUY CHẾ**

**Quản lý Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ tỉnh Quảng Trị**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số **40** /2019/QĐ-UBND  
ngày **17** tháng **10** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về phân vùng quản lý các hoạt động trong Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ (sau đây gọi tắt là Khu bảo tồn biển); về quản lý nhà nước nhằm bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hợp lý các hệ sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử, phục vụ phát triển bền vững tại huyện đảo Côn Cỏ, tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân của Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có các hoạt động liên quan đến Khu bảo tồn biển, trừ trường hợp pháp luật và Điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Đối với trường hợp đặc biệt quan trọng về an ninh quốc gia, các tổ chức, cá nhân sau khi được phép của cấp có thẩm quyền thì được tiến hành các hoạt động có liên quan trong Khu bảo tồn biển.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Phát triển bền vững: Là các hoạt động sử dụng, khai thác hợp lý tiềm năng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong giới hạn cho phép nhằm duy trì chức năng sinh thái và bảo vệ môi trường vùng biển đó.

2. Đi qua nhưng không gây hại: Là khi đi qua nhưng không làm phương hại đến sự đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên, nguồn lợi thủy sản, môi trường và các giá trị văn hóa, lịch sử của Khu bảo tồn biển.

**Điều 4. Phân khu chức năng và phạm vi của Khu bảo tồn biển**

Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ có diện tích 4.532 ha được chia thành 3 phân khu: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt; Phân khu phục hồi sinh thái; Phân khu dịch vụ - hành chính và vùng đệm của khu bảo tồn biển (Bản đồ phân khu chức năng và phạm vi khu bảo tồn biển như Phụ lục 1 kèm theo).

1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt có diện tích 534 ha, được tính từ mép nước chân đảo (mức thủy triều thấp nhất) ra phía ngoài từ 400 - 700 m tùy thuộc vào phân bố của các rạn san hô và đến độ sâu tối đa 15 m nước. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm 2 Tiểu phân khu

a) Tiểu phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 1 có diện tích 480 ha, nằm ở phía Nam đảo, được giới hạn từ phía Tây Nam đảo (Bến Đá Đen) đến phía Tây Bắc đảo (Bến Hà Đông), được giới hạn bởi các ký hiệu tọa độ địa lý từ NN<sub>1</sub> đến NN<sub>6</sub>. Ranh giới phía ngoài của Tiểu phân khu này được giới hạn bởi các điểm có tọa độ địa lý như sau:

| STT | Ký hiệu         | Tọa độ địa lý |                  |
|-----|-----------------|---------------|------------------|
|     |                 | Vĩ độ Bắc (N) | Kinh độ Đông (E) |
| 1   | NN <sub>1</sub> | 17°09'35"     | 107°19'36"       |
| 2   | NN <sub>2</sub> | 17°09'46"     | 107°19'01"       |
| 3   | NN <sub>3</sub> | 17°10'17"     | 107°19'11"       |
| 4   | NN <sub>4</sub> | 17°10'39"     | 107°19'47"       |
| 5   | NN <sub>5</sub> | 17°10'40"     | 107°20'35"       |
| 6   | NN <sub>6</sub> | 17°09'55"     | 107°21'22"       |

b) Tiểu phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 2 có diện tích 54 ha: Là vùng biển phía Đông Nam đảo (Bến Tranh) đến phía Đông Bắc đảo (Bến Nghè) được ký hiệu tọa độ địa lý từ NN<sub>7</sub> đến NN<sub>9</sub>. Ranh giới phía ngoài của Tiểu phân khu này được giới hạn bởi các điểm có tọa độ địa lý như sau:

| STT | Ký hiệu         | Tọa độ địa lý |                  |
|-----|-----------------|---------------|------------------|
|     |                 | Vĩ độ Bắc (N) | Kinh độ Đông (E) |
| 1   | NN <sub>7</sub> | 17°09'01"     | 107°20'48"       |
| 2   | NN <sub>8</sub> | 17°08'59"     | 107°20'19"       |
| 3   | NN <sub>9</sub> | 17°09'01"     | 107°19'57"       |

2. Phân khu phục hồi sinh thái được tính từ mép đường ranh giới của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt ra phía ngoài khoảng từ 1.000 - 1.700 m, tùy thuộc vào phân bố của các rạn san hô và đến độ sâu 14 - 20 m nước. Diện tích của Phân khu phục hồi sinh thái là 1.392 ha và được chia thành 2 tiểu phân khu

a) Tiểu phân khu phục hồi sinh thái 1 có diện tích 1.226 ha là vùng biển phía Bắc đảo được ký hiệu từ ST<sub>1</sub> đến ST<sub>5</sub>. Ranh giới phía ngoài của Tiểu phân khu này được giới hạn bởi các điểm có tọa độ địa lý như sau:

| STT | Ký hiệu         | Tọa độ địa lý |                  |
|-----|-----------------|---------------|------------------|
|     |                 | Vĩ độ Bắc (N) | Kinh độ Đông (E) |
| 1   | ST <sub>1</sub> | 17°09'35"     | 107°18'19"       |
| 2   | ST <sub>2</sub> | 17°10'44"     | 107°18'19"       |
| 3   | ST <sub>3</sub> | 17°11'30"     | 107°20'17"       |
| 4   | ST <sub>4</sub> | 17°11'12"     | 107°21'49"       |
| 5   | ST <sub>5</sub> | 17°10'02"     | 107°22'07"       |

b) Tiểu phân khu phục hồi sinh thái 2 có diện tích 166 ha, là vùng biển phía Bắc đảo được ký hiệu từ ST<sub>6</sub> đến ST<sub>9</sub>. Ranh giới phía ngoài của Tiểu phân khu này được giới hạn bởi các điểm có tọa độ địa lý như sau:

| STT | Ký hiệu         | Tọa độ địa lý |                  |
|-----|-----------------|---------------|------------------|
|     |                 | Vĩ độ Bắc (N) | Kinh độ Đông (E) |
| 1   | ST <sub>6</sub> | 17°09'16"     | 107°20'49"       |
| 2   | ST <sub>7</sub> | 17°08'46"     | 107°20'43"       |
| 3   | ST <sub>8</sub> | 17°08'39"     | 107°19'54"       |
| 4   | ST <sub>9</sub> | 17°08'58"     | 107°19'34"       |

3. Phân khu dịch vụ - hành chính có tổng diện tích là 2.376 ha, nằm kế tiếp phân khu phục hồi sinh thái, được giới hạn trong phạm vi một đường tròn hở quanh đảo (có bán kính từ mép nước chân đảo ra đường biên ngoài từ 1.500 - 2.500 m) với điểm đầu xuất phát từ phía Đông Nam Bến Hà Đông được ký hiệu trong bản đồ là DVHC<sub>1</sub> và điểm cuối kết thúc ở phía Đông Bắc Bến Hà Đông ký hiệu là DVHC<sub>9</sub>. Phân khu này nằm trong phạm vi vùng biển quanh đảo trừ diện tích của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, khu vực cảng cá, khu vực diễn tập Quân sự. Ranh giới phía ngoài của phân khu này được giới hạn bởi các điểm có tọa độ địa lý như sau:

| STT | Ký hiệu           | Tọa độ địa lý |                  |
|-----|-------------------|---------------|------------------|
|     |                   | Vĩ độ Bắc (N) | Kinh độ Đông (E) |
| 1   | DVHC <sub>1</sub> | 17°09'26"     | 107°22'38"       |
| 2   | DVHC <sub>2</sub> | 17°08'44"     | 107°22'13"       |
| 3   | DVHC <sub>3</sub> | 17°08'13"     | 107°20'21"       |
| 4   | DVHC <sub>4</sub> | 17°08'36"     | 107°18'38"       |
| 5   | DVHC <sub>5</sub> | 17°10'03"     | 107°17'49"       |
| 6   | DVHC <sub>6</sub> | 17°11'38"     | 107°18'33"       |
| 7   | DVHC <sub>7</sub> | 17°12'30"     | 107°20'19"       |
| 8   | DVHC <sub>8</sub> | 17°11'41"     | 107°22'16"       |
| 9   | DVHC <sub>9</sub> | 17°10'10"     | 107°22'52"       |

4. Vùng đệm khu bảo tồn biển bao gồm:

a) Vùng đệm bên trong Khu bảo tồn biển là diện tích nổi của đảo có diện tích 230 ha.

b) Vùng đệm bên ngoài Khu bảo tồn biển là vùng biển tiếp giáp với ranh giới phía ngoài của phân khu dịch vụ - hành chính trở ra, có độ rộng 300-500 m.

## Chương II CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG KHU BẢO TỒN BIỂN

### Điều 5. Quản lý hoạt động trong khu bảo tồn biển và vùng đệm

1. Hoạt động được thực hiện trong Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt được quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi là Nghị định số 26/2019/NĐ-CP).

2. Những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học trong Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt được quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2008.

3. Hoạt động được thực hiện trong Phân khu phục hồi sinh thái được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

4. Những hành vi bị nghiêm cấm về đa dạng sinh học trong Phân khu phục hồi sinh thái được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Luật Đa dạng sinh học năm 2008.

5. Hoạt động được thực hiện trong Phân khu dịch vụ - hành chính được quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

6. Hoạt động được thực hiện trong vùng đệm được quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Phục hồi hệ sinh thái, tái tạo nguồn lợi**

Khuyến khích các hoạt động nhằm phục hồi hệ sinh thái, tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ và tăng cường tính đa dạng sinh học của Khu bảo tồn biển và phải được sự cho phép của Ban Quản lý khu bảo tồn biển.

#### **Điều 7. Hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản**

1. Hằng năm, căn cứ kết quả đánh giá diễn biến tài nguyên môi trường, Ban Quản lý khu bảo tồn biển có trách nhiệm đề xuất xây dựng kế hoạch nuôi trồng, tái tạo và khai thác nguồn lợi thủy sản trong Khu bảo tồn biển một cách hợp lý; xác định các khu vực ưu tiên dành riêng cho cộng đồng ngư dân trong khu vực bảo tồn để nuôi trồng, khai thác thủy sản.

2. Các hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản tiến hành trong Khu bảo tồn biển phải tuân thủ đầy đủ những quy định về bảo vệ môi trường, sinh cảnh, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích áp dụng các hình thức nuôi trồng thủy sản sinh thái không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của các loài thủy sinh vật theo kế hoạch, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 8. Hoạt động nghiên cứu khoa học, thăm dò, khảo sát, khảo cổ**

1. Khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm mục đích bảo vệ và phát triển Khu bảo tồn biển; tổ chức các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ để nâng cao năng suất sản xuất, đa dạng hóa ngành nghề, cải thiện đời sống cho cư dân trong và xung quanh Khu bảo tồn biển.

2. Hoạt động thăm dò tài nguyên, khoáng sản; khảo sát, khảo cổ dưới nước trong Khu bảo tồn biển phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép và phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 9. Hoạt động sản xuất nông nghiệp**

1. Hạn chế sử dụng phân bón hóa học, các hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác nông nghiệp; chăn nuôi gia súc phải nhốt chuồng và xử lý chất thải để không ảnh hưởng đến môi trường Khu bảo tồn biển.

2. Khuyến khích sử dụng các loại phân bón hữu cơ, phân vi sinh, canh tác theo Chương trình quản lý tổng hợp cây trồng, không gây ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học Khu bảo tồn biển.

### **Điều 10. Hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại**

1. Việc tổ chức các hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại không được làm ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi, sinh cảnh của Khu bảo tồn biển. Các dự án phát triển du lịch trong Khu bảo tồn biển phải được Ban Quản lý khu bảo tồn biển thống nhất trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Khuyến khích cộng đồng cư dân tham gia các hoạt động du lịch, thương mại, văn hóa và các hoạt động khác không bị cấm trong Khu bảo tồn biển.

3. Tất cả các hoạt động du lịch, văn hóa, thương mại trong Khu bảo tồn biển đều phải tuân thủ sự kiểm soát của Ban Quản lý khu bảo tồn biển và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

### **Điều 11. Hoạt động giao thông đường thủy**

1. Các phương tiện giao thông đường thủy phải tuân thủ quy định về phương tiện thủy nội địa được quy định tại Luật Giao thông đường thủy nội địa.

2. Các dự án nạo vét luồng lạch trong Khu bảo tồn biển khi thực hiện phải được sự thống nhất của Ban Quản lý khu bảo tồn biển và phải được thẩm định, đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 12. Bảo tồn cảnh quan, hệ động, thực vật trên cạn**

Đối với phần trên cạn thuộc Khu Bảo tồn biển - vùng đệm bên trong, là diện tích nổi của đảo 230 ha, mọi hoạt động phải tuân thủ các quy định tại Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng phòng hộ và Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định các loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ.

## **Chương III**

### **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU BẢO TỒN BIỂN**

#### **Điều 13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước tại Khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; phối hợp triển khai các dự án phục hồi hệ sinh thái, tái tạo nguồn lợi thủy sản trong khu bảo tồn biển.

3. Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất, triển khai các đề tài, mô hình khai thác, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả tại các khu vực đã quy định để góp phần nâng cao đời sống người dân trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách nhằm cải thiện sinh kế cộng đồng dân cư sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng phương án thu, quản lý, sử dụng phí tham quan Khu bảo tồn biển, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định.

6. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Ban Quản lý khu bảo tồn biển; căn cứ Quy chế này và các văn bản quy định của Nhà nước có liên quan, quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý khu bảo tồn biển theo thẩm quyền để làm cơ sở cho đơn vị hoạt động.

7. Hướng dẫn Ban Quản lý khu bảo tồn biển xây dựng dự toán kinh phí hoạt động của đơn vị, trên cơ sở đó tổng hợp chung trong dự toán của ngành gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 14. Sở Khoa học và Công nghệ**

Trên cơ sở đề xuất của các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan, tổng hợp trình Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến Khu bảo tồn biển, góp phần bảo vệ và phát triển đa dạng sinh học trong Khu bảo tồn biển.

#### **Điều 15. Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Triển khai các quy định và biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường tại Khu bảo tồn biển. Phối hợp với Ban quản lý khu bảo tồn biển và các cơ quan liên quan định kỳ quan trắc, đánh giá diễn biến môi trường Khu bảo tồn biển.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp đới bờ tại các vùng ven biển và vùng lân cận của Khu bảo tồn biển nhằm tạo sự hỗ trợ từ bên ngoài cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Khu bảo tồn biển.

#### **Điều 16. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Ban Quản lý Khu bảo tồn biển và chính quyền địa phương tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn biển để các doanh nghiệp, đơn vị kinh doanh du lịch và du khách chấp hành đúng các quy định khi tham quan và tổ chức các hoạt động du lịch đảo Côn Cỏ.

### **Điều 17. Sở Tài chính**

1. Trên cơ sở phương án thu, quản lý, sử dụng phí tham quan Khu bảo tồn biển do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập, Sở Tài chính phối hợp với các ngành liên quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Tài chính thẩm định và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định dự toán kinh phí hoạt động hàng năm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trong đó có Khu bảo tồn biển) tùy theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm của tỉnh.

### **Điều 18. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hướng dẫn Ban Quản lý khu bảo tồn biển lập kế hoạch, dự án đầu tư phát triển và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong Khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật về đầu tư.

### **Điều 19. Sở Xây dựng**

Hướng dẫn, kiểm tra Ban Quản lý khu bảo tồn biển lập, quản lý thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì công trình xây dựng theo phân cấp, phân công của UBND tỉnh và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng.

### **Điều 20. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

Chỉ đạo và phối hợp thực hiện tốt công tác bảo đảm an ninh trật tự trên biển, đảo và các vùng nước trong Khu bảo tồn biển. Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan duy trì thực hiện các quy định của pháp luật về biên giới, hải đảo và các quy định khác có liên quan; hỗ trợ Ban Quản lý khu bảo tồn biển trong công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

### **Điều 21. Ủy ban nhân dân huyện đảo Côn Cỏ**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ, phối hợp với Ban Quản lý khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả Khu bảo tồn biển.

### **Điều 22. Ủy ban nhân dân các huyện ven biển**

Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến nội dung của Quy chế này để ngư dân địa phương mình biết và không vi phạm.

### **Điều 23. Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương**

1. Khuyến khích, tạo điều kiện để cộng đồng dân cư địa phương tham gia vào quá trình lập, thực hiện kế hoạch quản lý Khu bảo tồn biển, trong đó có hoạt động tuần tra, giám sát, bảo vệ.

2. Ban Quản lý khu bảo tồn biển thống nhất với UBND huyện đảo Côn Cỏ trong Khu bảo tồn biển quyết định hình thức, nội dung và thành phần cộng đồng dân cư tham gia trong các hoạt động bảo tồn biển.

#### **Điều 24. Quyền và trách nhiệm của Ban quản lý khu bảo tồn biển**

1. Ban quản lý khu bảo tồn biển có quyền được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

2. Ban quản lý khu bảo tồn biển có trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

#### **Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển**

1. Quyền của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 12 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

2. Nghĩa vụ đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo tại khu bảo tồn biển được quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

3. Nghĩa vụ đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ, du lịch sinh thái liên quan đến khu bảo tồn biển được quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

4. Nghĩa vụ đối với cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân sống trong và xung quanh khu bảo tồn biển quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

### **Chương IV**

#### **TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG CỦA KHU BẢO TỒN BIỂN**

##### **Điều 26. Nguồn tài chính của khu bảo tồn biển**

Nguồn tài chính của khu bảo tồn biển được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 14 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

##### **Điều 27. Quản lý, sử dụng tài chính của khu bảo tồn biển**

Quản lý, sử dụng tài chính của khu bảo tồn biển được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 15 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

### **Chương V**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **Điều 28. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc giữ gìn, bảo vệ Khu Bảo tồn biển hoặc phát hiện, khắc phục sự cố môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và tái tạo nguồn lợi sinh vật biển trong Khu bảo tồn biển thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

## **Điều 29. Tổ chức thực hiện**

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai, tham mưu thực hiện Quy chế này và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện.

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện ven biển và huyện đảo Côn Cỏ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm chấp hành tốt các quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan; hỗ trợ, phối hợp với Ban Quản lý tổ chức quản lý và khai thác có hiệu quả Khu bảo tồn biển.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi phù hợp tình hình thực tế./.

*SK*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Đức Chính*

**Nguyễn Đức Chính**

**Phụ lục I**  
**Bản đồ phân khu chức năng Khu bảo tồn biển đảo Côn Cỏ**  
 (Kèm theo Quyết định số **40**/2019/QĐ-UBND ngày **17** tháng **10** năm 2019  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

